CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG
Số: 145/TK-MBG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI XIN PHÉP SỬ DỤNG THẺ ABTC

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Ngoại vụ tỉnh Bắc Giang.

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu Cường** 2. Nam, nữ: **Nam**
3. Sinh ngày: **18/9/1982** tại **Bắc Giang**
4. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: **98 Đào Sư Tích, Ngô Quyền, TP Bắc Giang**
5. Hộ chiếu số: **B3997809** Loại: **Phổ thông**
6. Cấp ngày: **13/4/2010** Giá trị đến ngày **13/4/2020**
7. Cơ quan cấp: **Cục Quản lý xuất nhập cảnh**
8. Tên cơ quan/ doanh nghiệp: **Công ty cổ phần – Tổng công ty may Bắc Giang**
Địa chỉ: **349 Giáp Hải, Phố Kế, TP Bắc Giang**
Điện thoại: **02043557631**
9. Chức vụ hoặc nghề nghiệp: **Phó Giám đốc điều hành công ty**
10. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập doanh nghiệp số: **2400111910**, thay đổi lần thứ 11 ngày **31/03/2007**, do **Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp**
…….. cấp.
Ngành nghề kinh doanh: **Gia công hàng may mặc xuất khẩu**
Đề nghị xét, cho phép cấp thẻ ABTC đến nền kinh tế thành viên: **New Zealand**
Mục đích: **kinh doanh**
Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, giải quyết./.

Xác nhận

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Làm tại Bắc Giang ngày 15/5/2017
Thủ trưởng doanh nghiệp hoặc cơ quan
trực tiếp quản lý người đề nghị xét, cho phép
sử dụng thẻ ABTC xác nhận lời khai trên là đúng
Ngày 18 tháng 05 năm 2017

(Người xác nhận ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Đã ký và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU PHẢI

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BẮC GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢN SAO

Mã số doanh nghiệp: 2400111910

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 04 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 31 tháng 03 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC GIANG GARMENT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: BGG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 349 Đường Giáp Hải, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: *0240.3854645* Fax: *0240.3557382*

Email: *contact@bagarco.vn* Website: *bagarco.vn*

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 300.309.600.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm tỷ ba trăm lẻ chín triệu sáu trăm nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 30.030.960

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
03 -04- 2017
SỐ CT: 2061 Q.SỐ: 01 /SCT-BS

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU PHẢI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *28/08/1957* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *120941446*

Ngày cấp: *11/07/2001* Nơi cấp: *Công an Bắc Giang.*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ CHỦ TỊCH
THÂN QUÝ DÌNH

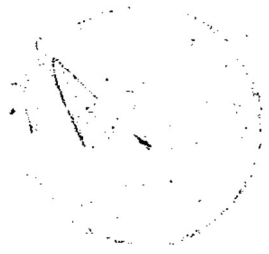

5429

CÔNG TY CP MAY
BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 140 /QĐ - CTHĐQT.

Bắc Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2012.

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: BỔ NHIỆM CÁN BỘ)

HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BẮC GIANG

- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần may Bắc Giang.
- Căn cứ nghị quyết cuộc họp phiên thứ nhất HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017, ngày 02/03/2012 về việc bổ nhiệm cán bộ thuộc đối tượng HĐQT công ty quản lý .

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Bổ nhiệm ông **Nguyễn Hữu Cường** - Nguyên là Phó Giám đốc điều hành Công ty, trực tiếp điều hành Xí nghiệp may 5, thuộc Công ty cổ phần may Bắc Giang nhiệm kỳ 2007 - 2012, làm Phó Giám đốc Điều hành Công ty trực tiếp điều hành Xí nghiệp may 5 thuộc Công ty cổ phần may Bắc Giang nhiệm kỳ 2012 - 2017 kể từ ngày **03/03/2012.**

- Nhiệm vụ cụ thể do Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách Khu vực Bắc Giang phân công, chịu trách nhiệm trước Phó Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT Công ty và Pháp luật nhà nước về nhiệm vụ được giao.

Điều II : Ông **Nguyễn Hữu Cường** có trách nhiệm tiếp nhận và điều hành công việc theo đúng quy định tại điều I quyết định này.

Điều III: Mức lương chính của ông **Nguyễn Hữu Cường** được hưởng thang lương quản lý doanh nghiệp bậc **1/5** hệ số tiền lương **3,50**.

- Lương thực tế hưởng theo quy chế trả lương của Công ty.

Điều IV: Các ông Trưởng phòng TCHC, Trưởng phòng KTTV, Thủ trưởng các phòng, đơn vị có liên quan và ông **Nguyễn Hữu Cường** căn cứ quyết định thi hành.

T/M HĐQT CÔNG TY
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN-TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG

Nguyễn Hữu Phải

Nơi nhận:
+ HĐQT CTY
+ Như Điều IV
+ Lưu HS

Hộ chiếu này là tài sản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chỉ cấp cho công dân Việt Nam.

This passport remains the property of the Socialist Republic of Vietnam and is issued to a Vietnamese citizen only.

Hộ chiếu này có giá trị đi đến tất cả các nước, trừ khi có quy định khác.

This passport is valid for all countries unless otherwise endorsed.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền liên quan cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ cần thiết.

The Government of the Socialist Republic of Vietnam requests all competent authorities concerned to allow the bearer of this passport to pass freely and to afford him/her such assistance and protection as may be necessary.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

HỘ CHIẾU
PASSPORT

Số / No B3997809

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT* | Loại / *Type* P | Mã số / *Code* VNM | Số hộ chiếu / *Passport No* B3997809

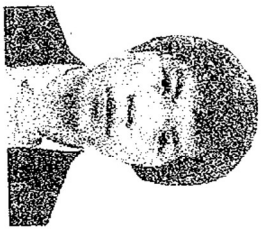

Họ và tên / *Full name*
NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Quốc tịch / *Nationality* VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth* 18 / 09 / 1982

Nơi sinh / *Place of birth* BẮC GIANG

Giới tính / *Sex* NAM / M.

Số GCMND / *ID Card No* 121425255

Ngày cấp / *Date of issue* 13 / 04 / 2010

Có giá trị đến / *Date of expiry* 13 / 04 / 2020

Nơi cấp / *Place of issue* Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMNGUYEN<<HUU<CUONG<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
B3997809<4VNM8209186M2004138121425255<<<<<74

3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
KT. CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng phòng
Deputy Chief of Division

Vũ Văn Hưng

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer

BẢN SAO

<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

0133910092

Số tờ khai **301339100920** Số tờ khai đầu tiên

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình E52 3

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai DTGCHP

Ngày đăng ký 22/05/2017 07:53:48

Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Mã số thuế đại diện 6203

Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày thay đổi đăng ký / /

Người xuất khẩu

Mã 2400111910

Tên Công Ty Cổ Phần - Tổng Công Ty May Bắc Giang

Mã bưu chính (+84)43

Địa chỉ Số 349, Đường Giáp Hải, Phường Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Số điện thoại 02403538665

Người ủy thác xuất khẩu

Mã

Tên

Người nhập khẩu

Mã

Tên PT.DAEHAN GLOBAL/OLD NAVY, LLC

Mã bưu chính

Địa chỉ 2 FOLSOM STREET SAN FRANCISCO CA,
94105 US

Mã nước US

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn	127	CT
Số lượng	1.554,14	KGM
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	03EEC10	CTY TIEP VAN SITC DV
Địa điểm lưu kho	USZZZ	GALLATIN, TN
Địa điểm nhận hàng cuối cùng	VNHPH	CANG HAI PHONG
Địa điểm xếp hàng	9999	BIEN DONG NAVIGATOR NB719E
Phương tiện vận chuyển dự kiến	25/05/2017	
Ngày hàng đi dự kiến		
Ký hiệu và số hiệu		

Giấy phép xuất khẩu

1

2

3

4

5

Số hóa đơn -

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành

Phương thức thanh toán TTR

Tổng trị giá hóa đơn FOB - USD - 28.867,62 - D

Tổng trị giá tính thuế -

Tỷ giá tính thuế USD - 22.661 -

Tổng hệ số phân bổ trị giá 28.867,62 -

Phân loại không cần quy đổi VND

Người nộp thuế

Mã xác định thời hạn nộp thuế

Phân loại nộp thuế A

Tổng số tiền thuế xuất khẩu VND

Tổng số tiền lệ phí

Số tiền bảo lãnh

Tổng số trang của tờ khai 3 Tổng số dòng hàng của tờ khai 1

Số đính kèm khai báo điện tử 1 - 2 - 3 -

Phần ghi chú 06/BG-DH/16#&12122015#&31122017#& Hàng lẻ giao kho CTY TIEP VAN SITC DV

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp

Số quản lý người sử dụng 00461

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan CCT CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng

Ngày hoàn thành kiểm tra 22/05/2017 07:53:

Ngày cấp phép xuất nhập 22/05/2017 07:53:

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành) 22/05/2017

Thông tin trung chuyển	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
1		/ / ~	/ /
2		/ / ~	/ /
3		/ / ~	/ /

Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế 03EEC10 22/05/2017

<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai 301339100920.00 Số tờ khai đầu tiên - /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình E52 3
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai DTGCHP Mã số thuế đại diện 6203
Ngày đăng ký 22/05/2017 07:53:48 Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / - Ngày thay đổi đăng ký / /

Vanning
Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng
Mã 1 18BCZ78 2 3 4 5
Tên CTY CP MAY BAC GIANG
Địa chỉ THÔN BẰNG, XÃ NGHĨA HÒA, LẠNG GIANG, BẮC GIANG

Số container

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20
21	22	23	24	25
26	27	28	29	30
31	32	33	34	35
36	37	38	39	40
41	42	43	44	45
46	47	48	49	50

Chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

<P>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

tờ khai **301339100920** Số tờ khai đầu tiên

tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình E52 3 Mã số thuế đại diện 6203

cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai DTGCHP Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

ày đăng ký 22/05/2017 07:53:48 Ngày thay đổi đăng ký / /

ời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<01>

số hàng hóa 62034290 Mã quản lý riêng 203PA Mã phân loại tái xác nhận giá

tả hàng hóa 503868#&Quần sóoc trẻ em nam một lớp(100% Cotton)#&VN

Số lượng (1) 7.181 PCE

Số lượng (2)

giá hóa đơn 28.867,62 Đơn giá hóa đơn 4,02 - USD - PCE

uế xuất khẩu

Trị giá tính thuế (S) 654.169.136,82 VN Trị giá tính thuế (M) -

Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế 91.097,22 VND PCE

Thuế suất

Số tiền thuế

Số tiền miễn giảm

í thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

ành mục miễn thuế xuất khẩu

ền lệ phí Đơn giá Tiền bảo hiểm Đơn giá

Số lượng Số lượng

Khoản tiền VND Khoản tiền VND

ã văn bản pháp luật khác 1 2 3 4 5

iễn / Giảm / Không chịu thuế xuất khẩu XNG82 SP GIA CONG XUAT TRA NUOC NGOAI (DOI TUONG MIEN THUE XK)

M.S.D.N: 2400111910 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN-TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG * TP BẮC GIANG - T. BẮC GIANG

K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
P.TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN HUY HỌC

<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0141743792

Số tờ khai **101417437920** Số tờ khai đầu tiên

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình E21 1 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 5407

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai DTGCHP Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 22/05/2017 14:18:19 Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu

Mã 2400111910

Tên Công Ty Cổ Phần - Tổng Công Ty May Bắc Giang

Mã bưu chính (+84)43

Địa chỉ Số 349, Đường Giáp Hải, Phường Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Số điện thoại 0240 3558156

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

Tên TEXTYLE ASIA PTE LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ 86 LORONG TANGGAM SINGAPORE 798768

Mã nước SG

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn

1 ASU17050432

2

3

4

5

Địa điểm lưu kho 01B3A02 CTY DVHH NOI BAI (N)

Địa điểm dỡ hàng VNHAN HA NOI

Địa điểm xếp hàng CNSHA SHANGHAI

Phương tiện vận chuyển CZ3504/18MAY

Ngày hàng đến 19/05/2017

Ký hiệu và số hiệu

Số lượng 30 CT

Tổng trọng lượng hàng (Gross) 617 KGM

Số lượng container

Ngày được phép nhập kho đầu tiên

Mã văn bản pháp quy khác

Số hóa đơn A - 02TEX-30KIEN617

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành 18/05/2017

Phương thức thanh toán KHONGTT

Tổng trị giá hóa đơn B - CPT - USD - 4.469

Tổng trị giá tính thuế 101.272.009

Tổng hệ số phân bổ trị giá 4.469 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1 - 2 - 3 -

4 - 5 -

Mã phân loại khai trị giá

Khai trị giá tổng hợp - -

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển - -

Phí bảo hiểm D - - -

	Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1	-	-	-	
2	-	-	-	
3	-	-	-	
4	-	-	-	
5	-	-	-	

Chi tiết khai trị giá

	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng			
1		VND		Tổng tiền thuế phải nộp		VND
2		VND		Số tiền bảo lãnh		VND
3		VND		Tỷ giá tính thuế	USD -	22.661
4		VND			-	
5		VND			-	
6		VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế		
				Mã lý do đề nghị BP		

Người nộp thuế

Phân loại nộp thuế A

Tổng số trang của tờ khai 4 Tổng số dòng hàng của tờ khai 2

<IMP>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **101417437920** Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình E21 1 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 5407
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai DTGCHP Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 22/05/2017 14:18:19 Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất
Số đính kèm khai báo điện tử 1 - 2 - 3 -
Phần ghi chú 02/TEX-BG/2016#&07062016#&07102017#&

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng 00827
Phân loại chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan
Tên trưởng đơn vị Hải quan CCT CC HQ QL hàng ĐT-GC Hải Phòng
Ngày cấp phép 22/05/2017 14:18:19
Ngày hoàn thành kiểm tra 22/05/2017 14:18:19
Phân loại thẩm tra sau thông quan
Ngày phê duyệt BP / /
Ngày hoàn thành kiểm tra BP / /
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu
Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

		Địa điểm	Ngày đến		Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1		/ /	~	/ /
	2		/ /	~	/ /
	3		/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế			/ /		

1P>

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

tờ khai **101417437920** Số tờ khai đầu tiên

tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình E21 1 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 5407

n cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai DTGCHP Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

ày đăng ký 22/05/2017 14:18:19 Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất

t>

số hàng hóa 54075200 Mã quản lý riêng 103PA Mã phân loại tái xác nhận gi [ ]

tả hàng hóa V004#&Vải dệt thoi có tỷ trọng sợi filament polyeste dún từ 85% trở lên (100% Polyester), đã nhuộm khổ 145cm (1686 yds)

Số lượng (1) 2.235,43 MTK

Số lượng (2)

của mục khai khoản điều chỉnh

giá hóa đơn 1.854,6 Đơn giá hóa đơn 0,829639 USD MTK

uế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S) 42.027.090,6 VND Trị giá tính thuế(M) -

Số lượng tính thuế - Đơn giá tính thuế 18.800,4503 - VND - MTK

Thuế suất M Mã áp dụng thuế tuyệt đô

Số tiền thuế VND Nước xuất xứ CN - CHINA - B30

Số tiền miễn giảm VND Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu -

ễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

XNG81 HANG NK DE GIA CONG CHO NUOC NGOAI (DOI TUONG MIEN THUE NK)

uế và thu khác

Tên Thuế GTGT Mã áp dụng thuế suất V

Trị giá tính thuế 42.027.090,6 VND Số lượng tính thuế

Thuế suất Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền thuế VND VK120 NGUYEN LIEU NK DE SAN XUAT, GIA CONG HANG XK

Số tiền miễn giảm VND

Tên Mã áp dụng thuế suất

Trị giá tính thuế VND Số lượng tính thuế

Thuế suất Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền thuế VND

Số tiền miễn giảm VND

Tên Mã áp dụng thuế suất

Trị giá tính thuế VND Số lượng tính thuế

Thuế suất Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền thuế VND

Số tiền miễn giảm VND

Tên Mã áp dụng thuế suất

Trị giá tính thuế VND Số lượng tính thuế

Thuế suất Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền thuế VND

Số tiền miễn giảm VND

Tên Mã áp dụng thuế suất

Trị giá tính thuế VND Số lượng tính thuế

Thuế suất Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền thuế VND

Số tiền miễn giảm VND

M.S.D.N: 2400111910 - C.T.C.P * TP.BẮC GIANG - T.BẮC GIANG * CÔNG TY CỔ PHẦN-TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG

K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
P.TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN HUY HỌC

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG
SỐ: 04/UN-BG/17

Ngày: 23/03/ 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN – TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG
Địa chỉ: Số 349 Đường Giáp Hải, Phường Dĩnh Kế, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Tel: (84) 2403 558156 Fax: (84) 2403 557 382
Do ông Nguyễn Hữu Phải – Chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện
Được gọi là **bên B** (*Bên nhận gia công*).

Và : **MARUBENI CORPORATION .**
Địa chỉ: 4-2, OHTEMACHI 1-CHOME CHIYODA-KU, TOKYO, JAPAN.
Tel : (81)-3-5354-5125. Fax: (81)-3-5354-5159
Do Ông **Y.Takikawa** – Tổng Giám đốc làm đại diện
Được gọi là **bên A** (*Bên thuê gia công*).

Hai bên nhất trí ký hợp đồng gia công theo những điều kiện và điều khoản sau:

I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG
- Bên B gia công hàng may mặc xuất khẩu cho bên A, trên cơ sở bên A cung cấp miễn phí Nguyên phụ liệu, Tài liệu kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác cho bên B để bên tiến hành sản xuất, đảm bảo năng lực yêu cầu của bên A về số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng.
- Hợp đồng này được thực hiện và điều chỉnh bởi các luật và tuân thủ các quy định về Luật, thuế, thủ tục hải quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Bất kỳ sự điều chỉnh nào trong hợp đồng đều phải được thực hiện bằng văn bản và được ký bởi người đại diện hoặc ủy quyền của cả hai bên.

II. TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ GIA CÔNG, TỔNG GIÁ:

Dựa trên nguyên phụ liệu và tài liệu kỹ thuật do Bên A cung cấp miễn phí, Bên B thực hiện việc gia công hàng may mặc cụ thể như sau:

STT	Tên hàng	Số lượng (PCS)	Đơn giá dự kiến CMP (Tiền công) (USD/PCS)	Trị giá CMP (Tiền công) (USD)	Giá FOB dự kiến (Trị giá sản phẩm)	Tổng trị giá sản phẩm (FOB)
1	Quần áo các loại	5,000,000	6.20	31.000.000	11.00	55,000,000

- Tên hàng, ký mã hiệu, số lượng, đơn giá, tổng trị giá, thời hạn giao nguyên phụ liệu và thời hạn giao hàng sẽ được thể hiện cụ thể trong phụ lục kèm theo của hợp đồng.
- Với mỗi loại mã hàng cụ thể sẽ được đề cập trong các phụ lục hợp đồng, số lương sản phẩm của mỗi mã hàng được chấp nhận chênh lệch ± 3%.

III. QUY CÁCH, PHẨM CHẤT, TÀI LIỆU KỸ THUẬT VÀ GIAO NHẬN NGUYÊN PHỤ LIỆU:

- Bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B thời gian giao nguyên phụ liệu và hồ sơ chứng từ nhập nguyên phụ liệu trước khi tàu cập cảng Hải Phòng hoặc sân bay Nội Bài là 03

ngày. Trong trường hợp nếu gửi chậm hơn ngày tàu cập cảng mà ảnh hưởng đến việc nhận nguyên phụ liệu thì bên A phải chịu trách nhiệm.

- Bên A sẽ cung cấp miễn phí nguyên phụ liệu cho bên B theo điều kiện C.I.F Hải Phòng hoặc FCA Nội Bài (theo Incoterm 2010) không thanh toán. Bên B có trách nhiệm làm thủ tục nhận nguyên phụ liệu về đến xí nghiệp của mình.
- Toàn bộ nguyên phụ liệu do bên A cung cấp trên cơ sở nhập từ nước ngoài. Trong trường hợp do những nguyên phụ liệu bên A không kịp gửi sang, bên A sẽ mua nguyên phụ liệu trong nước hoặc uỷ quyền cho bên B tự cung ứng nguyên phụ liệu trong nước, toàn bộ chi phí mua nguyên phụ liệu trong nước do bên A chịu.
- Trong quá trình gia công nếu cần thiết bên A sẽ cho bên B mượn một số máy móc chuyên dùng để sản xuất. Số máy móc đó khi hết hạn hợp đồng sẽ được chuyển giao sang hợp đồng tiếp theo hoặc xuất trả bên A.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, nếu có nguyên phụ liệu bị sai, hỏng, không đúng qui cách, sẽ được tái xuất trả lại cho bên A. Nguyên phụ liệu do bên A cung cấp bao gồm cả 0%-3% hao phí như trong bản thống nhất định mức. Sau khi hai bên đã thống nhất định mức thì bên B không được đòi hỏi gì thêm.
- Bên A *cung cấp miễn phí* cho bên B mẫu, pattern, bảng phối màu, qui trình, v.v.
- Bên B phải thông báo cho bên A biết thời gian và địa điểm kiểm tra nguyên phụ liệu. Khi kiểm tra kiện phải có đại diện của bên A cùng kiểm. Bên B không chịu trách nhiệm việc thiếu số lượng trong kiện nếu việc kiểm kiện không có đại diện của Bên A cùng kiểm. Trong trường hợp thông báo mà không có đại diện của Bên A khi kiểm hàng thì bên B vẫn tiến hành kiểm hàng và mọi thông báo sau khi kiểm hàng của Bên B Bên A đều phải chấp nhận.
- Bên B thông báo cho bên A biết số lượng nguyên phụ liệu thiếu thừa so với Packing list trong vòng 03 ngày tính từ ngày kết thúc việc kiểm tra nguyên phụ liệu.
- Trong trường hợp ngày giao nguyên phụ liệu bị chậm so với kế hoạch gửi thì thời gian giao hàng cũng sẽ kéo dài tương ứng. Và bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A tại thời điểm được thông báo nguyên phụ liệu bị chậm.

IV. GIAO THÀNH PHẨM

- Trước ngày giao thành phẩm bên B phải gửi cho bên A mỗi mã hàng 3 mẫu tốt không nằm trong số lượng giao hàng để gửi cho khách hàng.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất thành phẩm theo hướng dẫn của bên A và giao hàng đến tận cảng Hải Phòng hoặc sân bay Nội Bài theo điều kiện F.O.B Hải Phòng hoặc FCA Nội Bài (Incoterm 2010).
- Sau khi giao hàng 03 ngày bên B phải giao bộ chứng từ thanh toán cho bên A.
- Đại diện bên A sẽ trực tiếp theo dõi sản xuất tại nhà máy từ lúc giải chuyền đến khi giao hàng. Bên A chịu trách nhiệm trả lương cho chuyên gia nước ngoài do bên A điều đến làm việc tại nhà máy.
- Bên B có trách nhiệm tạo điều kiện tốt và thực hiện những yêu cầu của chuyên gia Bên A để sản phẩm làm ra đạt chất lượng tốt nhất.
- Bên B có trách nhiệm giao thành phẩm với chất lượng đã được sự đồng ý của bên A.
- Sau khi giao hàng 7 ngày hai bên phải cùng nhau thanh quyết toán nguyên phụ liệu của những mã hàng đã kết thúc. Nguyên phụ liệu thừa sẽ chuyển vào những mã hàng sau và đến khi kết thúc hợp đồng.
- Phế liệu, phế thải sẽ được tiêu huỷ theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

V. NHÃN MÁC VÀ THẺ BÀI:

- Bên A xác nhận toàn bộ nhãn mác thẻ bài phục vụ cho việc sản xuất tại bên B là hoàn toàn độc quyền sử dụng của bên A. Chi tiết nhãn mác như sau: nhãn **UNIQLO**
- Bên B chỉ sản xuất và xuất khẩu theo hướng dẫn của bên A.

- Nếu có sự tranh chấp về nhãn mác, thẻ bài bên B hoàn toàn không chịu trách nhiệm, kể cả tên gọi xuất xứ hàng hoá.
- Những nhãn mác được đăng ký tại Cục sở hữu công nghiệp Việt Nam phải có giấy chứng nhận của Cục Sở hữu. Bên A cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý và giải quyết các tranh chấp có liên quan đến việc tranh chấp và sử dụng tên gọi của nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ của hàng hoá được gắn trên sản phẩm bao bì hàng hoá đó.
- Nếu tên gọi, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hoá đó trùng với tên gọi nhãn hiệu hàng hoá đã được đăng ký bảo hộ tại Việt nam thì phải trình giấy chứng nhận bản quyền do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp.
- Hàng hoá do bên B gia công sản xuất có xuất xứ tại Việt Nam.

VI. TỰ CUNG ỨNG :

- Bên B phải đặt Chỉ may, Túi PE, Băng Dính, Đạn nhựa, Giấy chống ẩm, Thùng, Móc treo, bông các loại tại Việt Nam và chất lượng theo yêu cầu của bên A. Toàn bộ số lượng do bên B tự cung ứng để phục vụ gia công, và được bên A tính thêm vào giá gia công.
- Bên A sẽ gửi cho bên B mác in thùng trước khi bên B đặt thùng (giá bao bì nằm trong giá gia công). Bên A chịu trách nhiệm về nhãn mác dán trên bao bì sản phẩm).

VII . THANH TOÁN

- Thanh toán bằng đồng Đô la Mỹ theo hình thức LC hoặc TTR cho mỗi chuyến hàng vào tài khoản của bên B –Công ty cổ phần – Tổng công ty May Bắc Giang. Số TK 0351 370 121 199 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang.
- Chứng từ thanh toán gồm:

+ Vận đơn gửi hàng (BILL OF LADING/AIRWAY BILL): 3/3 bản gốc.
+ Hóa đơn thương mại (COMMERCIAL INVOICE): 03 bản gốc.
+ Bảng liệt kê hàng hoá (PACKING LIST): 03 bản gốc.
+ Giấy chứng nhận xuất xứ (CERTIFICATE OF ORIGIN): 01 bản gốc.
+ Giấy phép xuất khẩu (EXPORT LICENCE)/ VISA (nếu có): 01 bản gốc.

VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁC:

- Hai bên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các điều kiện và điều khoản đã nêu trong Hợp đồng.
- Bất kỳ một sự sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp đồng này chỉ có hiệu lực bằng văn bản và có chữ ký xác nhận sự thoả thuận của hai Bên. Trường hợp có tranh chấp, hai bên sẽ tự giải quyết bằng thương lượng. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Hội đồng trọng tài kinh tế khu vực Hà Nội và phán quyết của Hội đồng trọng tài là quyết định cuối cùng. Bên nào thua kiện thì bên đó chịu mọi phí tổn.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý tương đương.
- Hợp đồng có hiệu lực tính từ ngày ký đến ngày 22 tháng 03 năm 2019.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Marubeni Corporation

Y. Tazikawa
General Manager
Union Apparel D...

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN-TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU PHẢI

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG
SỐ: 01/BG-SA/17

Ngày: 06/02/2017

Giữa : **CÔNG TY CỔ PHẦN-TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG**
Địa chỉ: Số 349- Đường Giáp Hải - Dĩnh Kế - TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang
Tel: (84) 2403 558156 Fax: (84) 2403 557 382
Do ông **Nguyễn Hữu Phải** - Tổng giám đốc làm đại diện
Được gọi là **bên A** (*Bên nhận gia công*)

Và: **SAE-A EINS INC**
Địa chỉ: 21, TEHERAN-RO 104-GIL, GANGNAM-GU, SEOUL, KOREA
Do ông HA JUNG SU - Chủ tịch làm đại diện
Được gọi là **bên B** *(Bên đặt gia công)*

Hai bên nhất trí ký hợp đồng gia công theo những điều kiện và điều khoản sau:

I - TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ GIA CÔNG, TỔNG GIÁ:

❖ Dựa trên nguyên phụ liệu và tài liệu kỹ thuật do Bên B cung cấp miễn phí, Bên A thực hiện việc gia công hàng may mặc cụ thể như sau:

STT	Tên hàng	Số lượng (PCS)	Đơn giá gia công (USD/PCS)	Đơn giá FOB (USD/PCS)	Tổng trị giá gia công (USD)	Tổng trị giá sản phẩm (USD)
1	Quần áo các loại	500,000	~5	~18	~2,500,000	~9,000,000

- Tên hàng, ký mã hiệu, số lượng, đơn giá, tổng trị giá, thời hạn giao nguyên phụ liệu và thời hạn giao hàng sẽ được thể hiện cụ thể trong phụ lục kèm theo của hợp đồng.
- Với mỗi loại mã hàng cụ thể sẽ được đề cập trong các Phụ lục Hợp đồng, số lượng sản phẩm của mỗi mã hàng được chấp nhận chênh lệch ± 5%.

II - QUY CÁCH, PHẨM CHẤT, TÀI LIỆU KỸ THUẬT VÀ GIAO NHẬN NGUYÊN PHỤ LIỆU:

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A thời gian giao nguyên phụ liệu và hồ sơ chứng từ nhập nguyên phụ liệu trước khi tàu cập cảng Hải Phòng hoặc sân bay Nội Bài là 03 ngày. Trong trường hợp nếu gửi chậm hơn ngày tầu cập cảng mà ảnh hưởng đến việc nhận nguyên phụ liệu thì Bên B phải chịu trách nhiệm.
- Bên B sẽ cung cấp miễn phí nguyên phụ liệu cho Bên A theo điều kiện C.I.F Hải Phòng, C.I.F Hồ Chí Minh hoặc C.P.T Nội Bài, C.P.T Tân Sơn Nhất (theo INCOTERM 2000) không thanh toán. Bên A có trách nhiệm làm thủ tục nhận nguyên phụ liệu về đến nơi sản xuất của mình.
- Nếu xảy ra thất thoát trong quá trình vận chuyển và trong quá trình sản xuất thì bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Toàn bộ nguyên phụ liệu do Bên B cung cấp trên cơ sở nhập từ nước ngoài. Trong trường hợp do những nguyên phụ liệu bên B không kịp gửi sang, bên A sẽ mua nguyên phụ liệu trong nước hoặc uỷ quyền cho bên A tự cung ứng nguyên phụ liệu trong nước.

- Trong quá trình gia công nếu cần thiết Bên B sẽ cho bên A mượn một số máy móc chuyên dùng để sản xuất. Số máy móc đó khi hết hạn hợp đồng sẽ được chuyển giao sang hợp đồng tiếp theo hoặc xuất trả bên B theo chỉ định.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, nếu có nguyên phụ liệu bị sai, hỏng, không đúng qui cách, sẽ được tái xuất trả lại cho bên B. Nguyên phụ liệu do bên B cung cấp bao gồm cả 0%-3% hao hụt như trong bản thống nhất định mức. Tỷ lệ tiêu hao NPL do khách hàng cung cấp miễn phí là 0-3% dùng để tiêu hao khi tạo ra sản phẩm mang tính kỹ thuật, hàng lỗi, hỏng, mất mát, chế tạo sản phẩm mẫu để cung cấp miễn phí 1-5 chiếc cho khách hàng không thanh toán tại nhà máy(mẫu đối, mẫu đầu chuyền, mẫu test…). Sau khi hai bên đã thống nhất định mức thì Bên A không được đòi hỏi gì thêm.
- Bên B cung cấp miễn phí cho Bên A mẫu, pattern, bảng phối màu, qui trình, v.v…

III - GIAO THÀNH PHẨM

- Trước ngày giao thành phẩm bên A phải gửi cho bên B mỗi mã hàng 1-5 mẫu tốt không nằm trong số lượng giao hàng để gửi cho khách hàng.
- Bên A có trách nhiệm làm thủ tục xuất thành phẩm theo hướng dẫn của bên B và giao hàng đến tận cảng Hải Phòng hoặc sân bay Nội Bài theo điều kiện F.O.B Hải Phòng hoặc FCA Nội Bài (Incoterm 2000).
- Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện tốt và thực hiện những yêu cầu của chuyên gia Bên B để sản phẩm làm ra đạt chất lượng tốt.
- Bên A phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm của mình đến tận tay khách hàng (trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát hành B/L).
- Trong trường hợp sản phẩm có dính kim loại như kim máy, kim khâu, kéo, v.v… và các tạp chất khác làm ảnh hưởng tới sức khoẻ của khách hàng thì bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và phải bồi thường cho khách hàng.
- Nguyên phụ liệu thừa sau khi quyết toán sẽ được chuyển sử dụng cho những mã hàng sau và đến khi kết thúc hợp đồng, nếu còn thừa nguyên phụ liệu bên A sẽ tái xuất trả lại cho bên B hoặc chuyển tiếp sang hợp đồng khác theo chỉ định của bên B.
- Phế liệu, phế thải sẽ được tiêu huỷ theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

IV - NHÃN MÁC VÀ THẺ BÀI:

- Bên B xác nhận toàn bộ nhãn mác thẻ bài phục vụ cho việc sản xuất tại Bên A là hoàn toàn độc quyền sử dụng của Bên B, chi tiết nhãn mác: CABELA'S,…
- Bên A chỉ sản xuất và xuất khẩu theo hướng dẫn của Bên B.
- Nếu có sự tranh chấp về nhãn mác, thẻ bài bên A hoàn toàn không chịu trách nhiệm, kể cả tên gọi xuất xứ hàng hoá.
- Những nhãn mác được đăng ký tại Cục sở hữu công nghiệp Việt Nam phải có giấy chứng nhận của Cục Sở hữu. Bên B cam kết chịu mọi trách nhiệm pháp lý và giải quyết các tranh chấp có liên quan đến việc tranh chấp và sử dụng tên gọi của nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ của hàng hoá được gắn trên sản phẩm bao bì hàng hoá đó.
- Nếu tên gọi, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hoá đó trùng với tên gọi nhãn hiệu hàng hoá đã được đăng ký bảo hộ tại Việt nam thì phải trình giấy chứng nhận bản quyền do Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp.
- Hàng hoá do bên A gia công sản xuất có xuất xứ tại Việt Nam.

V - ĐẶT THÙNG CARTON:

- Bên A phải đặt thùng tại Việt Nam và chất lượng theo yêu cầu của bên B. Số thùng carton do bên A tự cung ứng để phục vụ gia công, và được bên A tính thêm vào giá gia công.
- Bên B sẽ gửi cho bên A macca in thùng trước khi bên A đặt thùng. Bên B chịu trách nhiệm về nhãn mác dán trên bao bì sản phẩm.

VI - THANH TOÁN

- Thanh toán bằng đồng Đô la Mỹ theo hình thức theo hình thức LC/T.T.R sau khi xuất hàng từ 20-65 ngày vào tài khoản của bên A - Công ty cổ phần-Tổng công ty may Bắc Giang số: **004 035 290 002** tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á- chi nhánh Bắc Giang.
- Chứng từ thanh toán gồm:

+ Vận đơn gửi hàng (BILL OF LADING/AIRWAY BILL): 3/3 bản gốc.
+ Hóa đơn thương mại (COMMERCIAL INVOICE): 03 bản gốc..
+ Bảng liệt kê hàng hoá (PACKING LIST): 03 bản gốc.
+ Giấy chứng nhận xuất xứ (CERTIFICATE OF ORIGIN): 01 bản gốc.

VII - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁC:

- Hai bên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các điều kiện và điều khoản đã nêu trong Hợp đồng.
- Bất kỳ một sự sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp đồng này chỉ có hiệu lực bằng văn bản và có chữ ký xác nhận sự thoả thuận của hai Bên.
- Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, đình công, động đất chiến tranh, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B bằng văn bản để miễn trách nhiệm pháp lý do các nguyên nhân trên gây ra.
- Trường hợp có tranh chấp, hai bên sẽ tự giải quyết bằng thương lượng. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Ủy ban trọng tài quốc tế tại phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Phán quyết của Ủy ban trọng tài là quyết định cuối cùng, bên nào thua kiện thì bên đó sẽ chịu mọi phí tổn.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản của mỗi thứ tiếng có giá trị pháp lý tương đương.
- Hợp đồng có hiệu lực tính từ ngày ký đến ngày 06 tháng 02 năm 2019.
- Bản hợp đồng được kí qua Fax.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN-TỔNG CÔNG TY MAY BẮC GIANG	SAE-A EINS INC.
TỔNG GIÁM ĐỐC	J. S. HA
NGUYỄN HỮU PHẢI	PRESIDENT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**1.598.451.769.223**	**1.339.768.809.885**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		30.982.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	**10**	**VI.01**	**1.598.420.787.223**	**1.339.768.809.885**
4. Giá vốn hàng bán	11	**VI.02**	1.298.181.081.149	1.059.733.786.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**300.239.706.074**	**280.035.023.139**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**VI.03**	7.132.490.437	11.932.747.604
7. Chi phí tài chính	22	**VI.04**	31.238.716.640	44.621.842.836
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*17.712.876.308*
8. Chi phí bán hàng	25	**VI.05**	26.653.818.055	31.537.556.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**VI.06**	96.143.258.725	79.936.483.911
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**153.336.403.091**	**135.871.887.294**
11. Thu nhập khác	31	**VI.07**	314.077.367.860	1.341.582.770
12. Chi phí khác	32	**VI.08**	296.053.024.744	278.016.588
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**18.024.343.116**	**1.063.566.182**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**171.360.746.207**	**136.935.453.476**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**VI.09**	28.008.449.982	24.622.399.489
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**143.352.296.225**	**112.313.053.987**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Bắc Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
BẠCH THỊ NGHI	HOÀNG VĂN LƯỢC	NGUYỄN HỮU PHẢI